

Bản án số: 116/2023/HS-ST
Ngày 19/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Giáo viên, Nguyên Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở TV
2. Ông Huỳnh Thế Dũng - Giáo viên trường Trung học cơ sở ND

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 14 tháng 7 năm 2023 và 19 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2023/TLST - HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 114/2023/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

TRẦN NGỌC H (tên gọi khác: Cò ke), sinh ngày 17 tháng 12 năm 1997 tại Gia Lai; nơi cư trú: 43/2 L, tổ 7, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc H1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1974; bị cáo có chưa có vợ, con, nhân thân xấu;

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại Bản án số 01/2018/HSST; chấp hành án tại Trại giam XP, Bộ Công an. Ngày 05 tháng 11 năm 2021, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 22 tháng 10 năm 2018 bị cáo đã thi hành xong án phí hình sự.

Tiền án: 01; Tiền sự: Không;

Trần Ngọc H1 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Lê Văn T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2005; địa chỉ: Thôn PD, xã H, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn PD, xã H, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

- Anh Trần Liêu Bảo D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005; địa chỉ: Thôn 05, xã IB, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Anh Nguyễn Gia L2, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2005; địa chỉ: 08A L, tổ 01, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975; địa chỉ: 08A L, tổ 01, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Anh Lê Văn L3, sinh năm 1985; địa chỉ: 08A ĐTC, tổ 03, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các bị hại và đại diện theo pháp luật đều vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Hoàng T1, sinh năm 2002; địa chỉ: 33 PĐP, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1978; địa chỉ: 176/2 PH, tổ 06, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Chị Trương Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: 42 TP, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ; Tổ 01, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc H là người đã bị kết án về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, vừa chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05 tháng 11 năm 2021 và chưa được xóa án tích. Do cần tiền để tiêu xài, nên H nảy sinh ý định tiếp cận, làm quen với người khác, giả vờ mượn điện thoại di động để sử dụng rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt. Trong thời gian từ ngày 31 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 02 năm 2023, H đã thực hiện 03 vụ chiếm đoạt điện thoại di động của người khác trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 31 tháng 01 năm 2023, khi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave (chưa xác định được biển số) đi đến ngã tư đường THĐ và đường ND, phường TS, TP.P, Trần Ngọc H nhìn thấy anh Lê Văn T đang dừng xe mô tô bên lề đường, nên đến gần nói chuyện và làm quen. H nói dối với anh T là đang trên đường đi trả xe mô tô cho người quen, nhờ T đi theo để chở H về nhà; anh T tin tưởng nên đồng ý giúp H. H điều khiển xe mô tô đi trước dẫn đường, anh T điều khiển xe mô tô đi theo sau đến đường NLB, phường HL, thành phố P. H dừng lại, dựng xe mô tô của H ở trước một nhà dân đã khóa cửa, rồi nhờ T chở giúp đến số nhà 08 đường CMTT, phường HL, thành phố P. Trên đường đi, H giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của anh T để gọi về gia đình; anh T tin tưởng nên đưa cho

H mượn điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 Pro 5G. Khi anh T chở H đến đầu hẻm số 151/13 đường PĐG, phường HL, thành phố P, thì H bảo T dừng xe lại. Khi anh T vừa dừng xe lại, thì H nhảy xuống và cầm điện thoại di động của anh T chạy bộ vào hẻm tẩu thoát; anh T đuổi theo một đoạn nhưng không kịp. Sau đó, H đi bộ quay lại đường NLB lấy xe mô tô và đến một cửa hàng điện thoại trên đường TP, thành phố P bán điện thoại di động vừa chiếm đoạt được của anh T lấy 500.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra, do H không xác định được nơi đã bán điện thoại chiếm đoạt của anh T, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Qua định giá, xác định điện thoại di động hiệu Redmi loại 11 Pro 5G của anh T bị H chiếm đoạt ngày 31 tháng 01 năm 2023, có trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06 tháng 02 năm 2023, Trần Ngọc H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius (chưa xác định được biển số) đến đường L, phường HT, thành phố P, thì gặp và làm quen với anh Trần Liêu Bảo D. Hòa nói với D là đang đi trả xe mô tô, nhờ D điều khiển xe mô tô của D đi theo để chở H quay lại quán mì quảng gần đó; anh D đồng ý. H điều khiển xe mô tô đi trước dẫn đường, anh D điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi đến đầu hẻm số 42 đường L, tổ 06, phường HT, thành phố P, H dựng xe mô tô trước cửa một nhà dân, rồi lên xe của D để D chở quay lại. Trên đường đi, H giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của anh D để gọi cho người quen; anh D tin tưởng nên đưa cho H mượn điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax 128GB. Sau khi giả vờ mượn được điện thoại, H nói D chở đi lòng vòng rồi quay lại đầu hẻm số 42 đường L nơi H để xe mô tô trước đó. H xuống xe, tay vẫn cầm điện thoại của anh D đi đến vị trí dựng xe mô tô; anh D ngồi trên xe cách khoảng 04 mét nhìn theo H. Khi đi đến vị trí xe mô tô, H liền ngồi lên xe, đề nổ máy và nhanh chóng điều khiển xe bỏ chạy; anh D điều khiển xe đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, H mang điện thoại di động vừa chiếm đoạt được của anh D đến cửa hàng điện thoại TTG - 14 PĐ, phường PĐ1, thành phố P thì gặp và bán cho một người đàn ông (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) được 2.500.000 đồng sử dụng tiêu xài. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được người đã mua điện thoại di động của H, nên không thu giữ được. Qua định giá, xác định điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu đen, dung lượng 128GB của anh Dương bị H chiếm đoạt ngày 06 tháng 02 năm 2023, có trị giá 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 14 tháng 02 năm 2023, Trần Ngọc H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius (chưa xác định được biển số) đi đến đường L, phường TS, thành phố P, thì gặp và làm quen với anh Nguyễn Gia L. H giả vờ nói với L là bạn H bị Cảnh sát giao thông bắt xe mô tô, nhờ L đi rút tiền giúp để nộp phạt và lấy xe cho bạn. Anh L tin tưởng nên ngồi lên xe để H chở đến máy ATM rút tiền giúp. H chở L đến máy ATM ở số 53 đường QT, phường HT, thành phố P, rồi đưa cho L thẻ Visa của Ngân hàng Ngoại thương (Vietcombank) mang tên “PHAM HOANG T” do H nhật được trước đó và giả vờ nói với L mật khẩu là “0000”. H giả vờ nhờ L vào rút giúp 2.000.000 đồng và nói L cho mượn điện thoại để gọi về cho gia đình; anh L không nghi ngờ gì nên đưa cho H mượn điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax 128GB, rồi đi vào máy ATM để rút tiền giúp H. H cầm điện thoại di động của anh L

đứng cách máy ATM khoảng 03 mét giả vờ bấm gọi; anh L vẫn nhìn về phía H. Khi anh L vừa đi vào máy ATM, thì H liền ngồi lên xe mô tô và điều khiển xe bỏ chạy để chiếm đoạt điện thoại của anh L. Sau đó, H đến cửa hàng điện thoại LP - 42 TP, phường TS, thành phố P bán điện thoại di động vừa chiếm đoạt được của anh L cho chị Trương Thị N - là chủ cửa hàng lấy 6.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Sau khi hành vi của H bị phát hiện, Cơ quan điều tra làm việc với chị N và được giao nộp lại điện thoại di động đã mua của H nêu trên. Qua định giá, xác định điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu đen, dung lượng 128GB của anh L bị H chiếm đoạt vào ngày 14 tháng 02 năm 2023, có trị giá 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại trên cho anh L.

Tổng tài sản bị Trần Ngọc H chiếm đoạt qua định giá là 43.500.000 (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, Trần Ngọc H thường xuyên chơi game tại nhà chị Lê Thị Ngọc A, nhiều lần chuyển trả tiền nên biết số tài khoản ngân hàng của chị A. Khoảng 17 giờ 30 ngày 12 tháng 02 năm 2023 Trần Ngọc H gọi taxi trực tiếp cho anh Lê Văn L yêu cầu chở đến địa chỉ 35 NLB, thành phố P với tiền cước là 145.000 đồng. Khi đến nơi, H nhờ anh L chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào số tài khoản 62010000054468 của chị Lê Thị Ngọc A. Sau đó, Hoà nói anh L chờ để H vào nhà người quen lấy tiền mặt trả lại rồi xuống xe đi vào hướng đường PĐG bỏ trốn. Trần Ngọc H đến gặp chị A và nói đã nhờ bạn tên Lê Văn L chuyển tiền vào tài khoản của chị và H đã lấy 1.500.000 đồng tiền mặt từ chị A sử dụng tiêu xài. Số tiền chiếm đoạt của ông L dưới 2.000.000 đồng và H chưa bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa bị kết án về các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” mà xử phạt hành chính bằng hình thức: Phạt tiền.

Tại bản cáo trạng số 107/CT -VKS ngày 31 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Trần Ngọc H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Trần Ngọc H thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Trần Ngọc H về tội “*Cướp giật tài sản*” và đề xuất áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội hai lần trở lên*” và “*Tái phạm*” theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*”, “*Đầu thú*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù; không áp dụng

hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường và chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 1.645.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng của anh Lê Văn L nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử phạt hành chính là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối tượng Bi, Tý là những người đã cho bị cáo mượn xe mô tô hiệu Honda, loại Wave và hiệu Yamaha, loại Sirius làm phương tiện di chuyển chiếm đoạt điện thoại di động. Quá trình điều tra, Hoà không biết rõ họ tên, địa chỉ của những người này, không thu giữ được các xe mô tô trên cũng như xác định được biển số xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ được vai trò của đối tượng Bi, Tý và các xe mô tô có liên quan sẽ xử lý sau.

Anh Phạm Hoàng T là chủ thẻ Visa Ngân hàng Vietcombank mang tên PHAM HOANG T, thẻ bị thất lạc vào khoảng tháng 01 năm 2023, trong tài khoản không có tiền. Bản thân H thừa nhận nhặt được thẻ Visa khi đi bộ trên đường và không có liên hệ gì với anh T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm và trả lại thẻ Visa cho anh T là phù hợp.

Chị Trương Thị N là người đã mua điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax do Trần Ngọc H chiếm đoạt được của anh Nguyễn Gia L mang đến bán; khi mua chị không biết đây là tài do H cướp giật của người khác mà có. Anh Nguyễn Thanh T, là chủ cửa hàng điện thoại TTG nơi Trần Ngọc H khai đã bán điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax 128GB chiếm đoạt được của anh Trần Liêu Bảo D, tuy nhiên H không xác định được nhân dạng người mua điện thoại và anh T không thừa nhận đã mua điện thoại của H. Bà Lê Thị Ánh N là chủ tài khoản ngân hàng số 62010000054468 mà anh Lê Văn L đã chuyển số tiền 1.500.000 đồng theo yêu cầu của Trần Ngọc H; bà không biết việc H sử dụng tài khoản của bà làm phương tiện trung gian để chiếm đoạt tiền của anh Lê Văn L và cũng không hưởng lợi từ việc này. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với những người này về truy cứu trách nhiệm hình

sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hoặc vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lợi dụng sự tin tưởng và lòng tốt của các bị hại, Trần Ngọc H tiếp cận, giả vờ mượn điện thoại di động để gọi, sau khi nhận được điện thoại H nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn đó, trong khoảng thời gian từ ngày 31 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 02 năm 2023, Trần Ngọc H đã thực hiện 03 vụ chiếm đoạt 03 điện thoại di động gồm Redmi Note 11 Pro 5G của anh Lê Văn T, Iphone 11 Promax 128GB của anh Trần Liêu Bảo D và Iphone 14 Promax 128GB của anh Nguyễn Gia L với tổng giá trị qua định giá là 43.500.000 (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định như sau “*Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Giả vờ mượn điện thoại di động của người khác sử dụng rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có khả năng lao động, hoàn toàn nhận thức được hành vi bản thân đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng do bản chất lười lao động, liều lĩnh, coi thường tính nghiêm minh của pháp luật từ đó cố ý thực hiện hành vi nhằm hưởng lợi bất chính.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 Trần Ngọc H vừa chấp hành xong hình phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xoá án tích tiếp tục thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản mà trị giá tài sản thấp nhất là 5.000.000 đồng đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhằm mục đích cảnh tỉnh, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Gia L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; bị hại cùng đại diện theo pháp luật không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bị hại Lê Văn T cùng đại diện theo pháp luật yêu cầu bồi thường 5.000.000 (năm triệu) đồng; bị hại Trần Liêu Bảo D yêu cầu bồi thường 10.000.000 (mười triệu) đồng tương ứng với trị giá qua định giá của các điện thoại di động đã bị chiếm đoạt. Bị hại Lê Văn L yêu cầu bồi thường số tiền 1.645.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng đã mua điện thoại di động. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và vật chứng khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý trả lại cho bị hại và chủ sở hữu phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xử lý đối với vật chứng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Ngọc H.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “**Cướp giật tài sản**”

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

- Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Ngọc H bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; bồi thường cho anh Trần Liêu Bảo D số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; bồi thường cho anh Lê Văn L số tiền 1.645.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng; bồi thường cho chị Trương Thị N 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.132.250 (một triệu một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA